

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2017 - 2018

Khoa : Chất lượng cao

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Học bổng thủ khoa	Tổng cộng	Loại HB
1	412921	Nguyễn Anh	Thư	4129	18		8.69		97	9 500 000		9 500 000	Loại 1
2	412932	Nguyễn Nữ Hồng	Dương	4129	18		8.54		86	9 500 000		9 500 000	Loại 1
3	413125	Nguyễn Phương	Thảo	4131	18		8.46		90	9 500 000		9 500 000	Loại 1
4	412922	Hà Lê Thành	Trung	4129	18		8.44		93	6 500 000		6 500 000	Loại 2
5	412903	Bùi Minh	Thông	4129	18		8.28		89	6 500 000		6 500 000	Loại 2
6	413103	Lê Hà An	Ngọc	4131	18		8.26		90	6 500 000		6 500 000	Loại 2
7	413031	Vũ Thanh	Huyền	4130	18		8.22		88	6 500 000		6 500 000	Loại 2
8	413029	Đặng Huyền	My	4130	18		8.19		94	6 500 000		6 500 000	Loại 2
9	413020	Tô Vũ Nhật	Minh	4130	18		8.13		85	6 500 000		6 500 000	Loại 2
10	413216	Đỗ Tiến	Đạt	4132	18		8.12		92	6 500 000		6 500 000	Loại 2
11	413115	Vũ Hoàng	Anh	4131	18		8.11		92	3 500 000		3 500 000	Loại 3
12	413217	Trần Trung	Hiếu	4132	18		8.09		95	3 500 000		3 500 000	Loại 3
13	413204	Ngô Đức	Thắng	4132	18		8.05		75	3 500 000		3 500 000	Loại 3
14	413101	Tô Anh	Thư	4131	18		8.02		90	3 500 000		3 500 000	Loại 3
15	411339	Nguyễn Hồng	Nhung	4132	18		8.00		88	3 500 000		3 500 000	Loại 3
16	413113	Lê Thị Hà	Thu	4131	18		7.98		90	3 500 000		3 500 000	Loại 3
17	413222	Hoàng Bá	Hiệp	4132	18		7.95		87	3 500 000		3 500 000	Loại 3
18	413120	Trần Thị	Luyến	4131	18		7.93		89	3 500 000		3 500 000	Loại 3
19	411545	Nguyễn Lương Anh	Thư	4131	18		7.89		90	3 500 000		3 500 000	Loại 3
20	413109	Phan Thành	Nam	4131	18		7.89		88	3 500 000		3 500 000	Loại 3

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2017 - 2018

Khoa : Chất lượng cao

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Học bổng thủ khoa	Tổng cộng	Loại HB
21	413017	Nguyễn Diệu Anh	4130	18		7.88		88	3 500 000		3 500 000	Loại 3
22	412920	Nguyễn Khánh Linh	4129	18		7.87		83	3 500 000		3 500 000	Loại 3
23	413220	Đỗ Ngọc Mai	4132	18		7.87		72	3 500 000		3 500 000	Loại 3
24	413132	Nguyễn Thúy Ngân	4131	18		7.84		92	3 500 000		3 500 000	Loại 3
		Tổng							123 000 000		123 000 000	

Hà Nội, Ngày tháng năm 20...
HIỆU TRƯỞNG